TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20/02/2019
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Khắc Hưng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Phụng

2. Bà Nguyễn Thị Lượng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bá Thu Thư - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 717/2018/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp: "ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1980

Địa chỉ: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1980

Địa chỉ: A đường số B, tổ C, khu phố D, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T xác định: Ông và bà Nguyễn Thị Q chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Hộ Độ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn do cả hai bất đồng về mọi mặt. Ông bà đã từng nhiều lần tìm kiếm cơ hội hàn gắn xây dựng hạnh phúc và nuôi dạy con cái nhưng không được. Hiện cả hai đã ly thân từ năm 2014, nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông xin ly hôn. Thời gian chung sống ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 15/4/2011 và

Nguyễn Bá Nhật M, sinh ngày 29/9/2012. Ông T đồng ý giao 02 con chung cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho mỗi con chung cho đến khi con chung lần lượt đủ tròn 18 tuổi.

Tài sản chung ông T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nợ chung ông xác định không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong các phiên hòa giải và công khai chứng cứ, sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử bà có bản tự khai và xác định: về quan hệ hôn nhân đúng ông T trình bày tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng là do ông T thiếu trách nhiệm với gia đình, hay nhậu nhẹt và đánh đập bà, ngoài ra ông T còn có người phụ nữ khác. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn, tại tòa bà thay đổi lời khai xác định vẫn còn tình cảm với chồng và không đồng ý ly hôn vì muốn con cái có chỗ dựa. Về con chung bà xác định đúng là có 02 con tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 15/4/2011 và Nguyễn Bá Nhật M, sinh ngày 29/9/2012. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho mỗi con chung cho đến khi con chung lần lượt đủ tròn 18 tuổi. Việc thực hiện cấp dưỡng một lần với tổng số tiền 264.000.000 đồng. Về tài sản chung bà xác định có 15.000.000 đồng, bà yêu cầu chia đôi mỗi người ½ là 7.500.000 đồng.

* Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp:

- Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của ông T (bản sao);

- Giấy khai sinh (bản sao);

- Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao).

* Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không có

* Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập:

- Công văn phúc đáp tình trạng hôn nhân và gia đình số 888/LĐTB ngày 09/8/2018 của phòng Lao động Thương binh và Xã Hội quận Thủ Đức.

- Phiếu xác minh số 717/2018/PYCXM ngày 02/7/2018.

Đại diện Viện kiểm sát quận Thủ Đức trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về mặt tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về mặt nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu của ông T về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về tài sản chung; nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Thủ Đức nhận định:

[1]Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu "Ly hôn" với bà Nguyễn Thị Q căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà Q cư trú tại quận Thủ Đức, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]Về nội dung:

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Q chung sống với nhau từ năm 2010 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52 do Ủy ban nhân dân xã Hộ Độ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 26/3/2010 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tại Tòa, ông T xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Q. Căn cứ lời trình bày của các đương sự có cơ sở xác định quá trình chung sống, hai ông bà có phát sinh nhiều mâu thuẫn, mặc dù đã có nhiều cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Q đã được tống đạt văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được. Như vậy mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu của ông T về việc xin ly hôn là có căn cứ để chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 15/4/2011 và Nguyễn Bá Nhật M, sinh ngày 29/9/2012. Ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên về việc giao hai con chung cho bà Q trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Đồng thời cân nhắc đến điều kiện của các đương sự nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con một lần của bị đơn là không có cơ sở. Mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/một người con cho đến khi con chung lần lượt đủ tròn 18 tuổi là hợp lý.

Về tài sản chung và nợ chung: Cả hai xác định có 15.000.000 đồng nên ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc giao lại cho bà Q số tiền 7.500.000 đồng; nợ chung không có.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Về án phí: Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự đều phải chịu án phí chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 56, 57, 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Q.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 15/4/2011 và Nguyễn Bá Nhật M, sinh ngày 29/9/2012 cho bà Nguyễn Thị Q trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi mỗi người con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung lần lượt đủ tròn 18 tuổi. Việc thực hiện từ tháng 03/2019 vào ngày 15 hàng tháng.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung: số tiền 15.000.000 đồng, ông T giao lại cho bà Q ½ là 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

Nợ chung không có.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi, theo mức lãi suất chậm thi hành án quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2-/ Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí chia tài sản chung là 375.000 (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0022107 ngày 02/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Ông T còn phải nộp thêm 675.000 (Sáu trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Bà Q phải chịu án phí chia tài sản chung là 375.000 (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

3-/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Toà án ND TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q. Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các bên đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Khắc Hưng